

VƯƠNG TÍCH KỲ VỚI VIỆC SƯU TẬP VÀ BIÊN SOẠN TÀI LIỆU ĐỊA DƯ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM THỜI CẬN ĐẠI TẠI TRUNG QUỐC

NGUYỄN TUẤN CƯỜNG*

DƯƠNG VĂN HOÀN**

DƯƠNG VĂN HÀ***

Tóm tắt: Bộ từng thư *Tiểu Phương Hồ trai dư địa tàng sao* của Vương Tích Kỳ (1855-1913) gồm 1.537 tên sách của hơn 600 tác giả, được sưu tập và biên soạn trong 25 năm (1877-1901), là tập đại thành tư liệu địa dư thế giới lớn nhất của Trung Quốc cuối thời cận đại. Bộ sách thể hiện sự thay đổi quan niệm về thế giới của giới sử học Trung Quốc, từ bỏ cái nhìn “Hoa tâm luận” (Sinocentrism) để chuyển sang cái nhìn rộng ra toàn thế giới. Bộ từng thư này đã sưu tập 21 tác phẩm chuyên đề về địa dư và lịch sử Việt Nam, chủ yếu do các học giả Trung Quốc thời cận đại viết. Mặc dù còn một số hạn chế, nhưng bộ phận tư liệu Việt Nam về cơ bản vẫn là các nguồn sử liệu quý, có giá trị trong việc tìm hiểu tri thức của người nước ngoài (chủ yếu là Trung Quốc) về đất nước và con người Việt Nam thời cận đại, trong đó có những thông tin liên quan đến chủ quyền biển đảo Việt Nam.

Từ khóa: Địa dư, Vương Tích Kỳ, Việt Nam, cận đại, *Tiểu Phương Hồ trai dư địa tàng sao*

1. Vương Tích Kỳ và bộ từng thư *Tiểu Phương Hồ trai dư địa tàng sao*

**Người biên tập – soạn giả Vương
Tích Kỳ**

Wương Tích Kỳ 王錫祺 (1855-1913) người Giang Tô, Trung Quốc, tự Thọ Huyền 壽萱, hiệu Sấu Nhiễm 瘦髯. Năm Đồng Trị 11 (1872) thi đỗ Tú tài, lúc ấy 18 tuổi. Đang dự bị nhậm chức Lang trung bộ Hình, thì ông bỏ không nhậm chức, lập thư trai lấy tên là “*Tiểu Phương Hồ*” (小方壺)⁽¹⁾, chuyên nghiên cứu địa lý Trung Quốc và thế giới. Ông sưu tập sách vở lên đến mấy vạn quyển.

Sau đó, ông đích thân tìm sang Nhật Bản để khảo sát tình hình chính trị nước này sau cuộc Duy tân thời Minh Trị. Công trình đề đời của Vương Tích Kỳ là bộ từng thư *Tiểu Phương Hồ trai dư địa tàng sao* (小方壺齋輿地叢鈔). Ông đã dụng công 25 năm để soạn, bắt đầu thực hiện từ năm 1877 đến năm 1901 mới hoàn thành.

Quá trình sưu tập, biên soạn

Wương Tích Kỳ là người dư dã, nên ngay từ đầu thời Quang Tự đã tự bỏ chi phí

* TS, **ThS, *** CN Viện Nghiên cứu Hán Nôm

in ấn một bộ sách nhan đề *Tiểu Phương Hồ trai tùng thư* (小方壺齋叢書), chia làm 4 tập, là một bộ tùng thư có tính tổng hợp đầu tiên của ông. Đến năm Quang Tự 6 (1880), ông lại biên soạn và ấn hành một bộ tùng thư với nội dung địa dư là chủ đạo, đặt tựa là *Tiểu Phương Hồ trai tùng sao* (小方壺齋叢鈔), gồm 6 quyển, tổng cộng 43 tác phẩm.

Sau đó, ông lại tiếp tục mở rộng dung lượng bộ sách kể trên, đặt lại tên là *Tiểu Phương Hồ trai dư địa tùng sao* (小方壺齋輿地叢鈔). Trong nhan đề bộ sách, thì “dư địa tùng sao” có nghĩa là “bộ tùng thư các sách địa dư”. Toàn nhan đề sách tạm dịch nghĩa là: “Bộ tùng thư các sách địa dư của chủ nhân thư trai Tiểu Phương Hồ”. Bộ sách chủ yếu là tập hợp tài liệu của các tác giả khác, cũng có một số sách do chính Vương Tích Kỳ viết.

Bộ tùng thư được khởi động biên soạn từ năm 1877, được in lần đầu năm Quang Tự 17 (1891); đến năm Quang Tự 20 (1894) tiếp tục biên soạn thêm phần *Bổ biên* (補編); năm Quang Tự 23 (1897) lại cho ra đời phần tiếp theo gọi là *Tái bổ biên* (再補編). Tất cả ba lần biên soạn đều do nhà in Trước Dịch đường (著易堂) ở Thượng Hải in ấn bằng hình thức sắp chữ in chì. Giới địa lý học lịch sử Đông Á thường gọi tất ba lần in ấy lần lượt là *Chính biên* (hoặc *Sơ biên*), *Bổ biên* (biên soạn thêm, hoặc *Tục biên*, biên soạn tiếp), *Tái bổ biên* (biên soạn thêm lần thứ hai). Sau này lại phát hiện trong thư viện Đại Liên có thêm bộ *Tam bổ biên* (三補編

biên soạn thêm lần thứ ba) với lời Tựa của chính họ Vương viết năm 1901⁽²⁾. Như thế, kể từ khi sách chính thức có tên *Tiểu Phương Hồ trai dư địa tùng sao*, thì bộ sách này đã có 4 lần biên soạn: *Chính biên*, *Bổ biên*, *Tái bổ biên*, *Tam bổ biên*, tổng cộng thời gian là 25 năm, từ năm 1877 đến năm 1901 mới hoàn thành. Các bản sách in của bộ tùng thư này hiện còn được lưu trữ ở nhiều thư viện lớn ở Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ và châu Âu. Đến nửa sau thế kỉ XX, bộ tùng thư này được hai lần tái bản ảnh ấn (chụp ảnh nguyên bản), một lần do Quảng Văn thư cục ở Đài Bắc in năm 1962, một lần do Hàng Châu cổ tịch thư điểm in năm 1985.

Phân tích và đánh giá

Về cơ cấu tác giả, nếu tính trong 3 lần biên soạn đầu tiên, có hơn 600 tác giả, trong đó có khoảng 40 tác giả là người nước ngoài, có tác phẩm được dịch sang Hán văn. Một số tác giả có nhiều tác phẩm được lựa chọn đưa vào trong bộ sách này, như Cung Sài có 49 tác phẩm, Ngụy Nguyên có 30, Mã Quán Quân có 29, Tê Thiệu Nam có 24, Hà Thu Đào có 18. Bản thân Vương Tích Kỳ cũng đóng góp 19 tác phẩm trong tùng thư này⁽³⁾. Niên đại của hầu hết các sách nằm trong khoảng nửa sau đời Thanh (1644-1912).

Phạm vi nội dung bao trùm của bộ sách là “địa dư”, gồm có các lĩnh vực chủ yếu: tổng quát về địa lí Trung Quốc, địa lí các vùng miền Trung Quốc; hình thể sông núi, đồng ruộng thủy lợi, di tích

thắng cảnh, phong tục tập quán, ngoại giao, thông thương, tri thức địa lí thế giới. Hầu hết các sách đều được in toàn bộ, nhưng cũng có một số sách chỉ chọn phần quan trọng, liên quan trực tiếp đến vấn đề “địa dư” để đưa vào bộ *Tùng sao*.

Xét về cơ cấu phân quyền, số liệu thống kê của Ngô Phong Bồi cho biết, *Chính biên* có 12 pho sách (帙 *trật*), 64 quyền, thu thập 1211 sách. *Bổ biên* cũng có 12 pho, không phân quyền, thu thập 55 sách. *Tái bổ biên* cũng có 12 pho, không phân quyền, thu thập 175 sách. *Tam bổ biên* có 96 sách, tổng cộng 1.537 tên sách; nếu chỉ tính 3 lần biên soạn đầu tiên thì gồm tổng cộng 1.441 tựa sách⁽⁴⁾. Học giả Đài Loan là Phan Quang Triết đưa ra con số thống kê tổng cộng 1.438 tựa sách trong 3 lần biên soạn đầu tiên (ông không tính bộ *Tam bổ biên*)⁽⁵⁾, có chênh lệch chút ít so với con số của Ngô Phong Bồi kể trên.

Nếu tính theo chủ đề từng tác phẩm, theo thống kê của Phan Quang Triết trên cơ sở ba lần biên soạn đầu tiên, thì con số thống kê như sau: Trung Quốc 1055, thế giới nói chung 39, châu Á 173, phương Tây nói chung 43, Nga 42, châu Âu 33, châu Mỹ 28, châu Phi 13, châu Đại Dương 11, loại khác 1; tổng số sách địa dư ngoài Trung Quốc là 383 tựa sách⁽⁶⁾. Như vậy, bộ phận chủ yếu trong *Tùng sao* vẫn là địa dư Trung Quốc, chiếm gần $\frac{3}{4}$ (73%) tổng số tựa sách. Kể đến là số sách về châu Á (12%) và châu Âu (8%, tính cả phương Tây nói chung, châu Âu và Nga).

Bộ tùng thư này có một số nhược điểm sau đây, như chính học giả Trung Quốc thừa nhận: không ghi rõ nguồn dẫn của các tài liệu được thu thập; một số sách chọn đưa vào tùng thư theo dạng tiết lược, cắt bớt nội dung, nhưng không ghi rõ nguyên nhân tiết lược; bởi chủ trương mở rộng phạm vi sưu tầm, nên khó tránh khỏi hỗn tạp, tuyển chọn cả những tác phẩm tầm thường; khi dẫn tài liệu của nước ngoài dịch ra Hán văn thì có cả tài liệu khá cũ, khác với tình hình địa lí khi sách được sưu tập; chữ in nhỏ mà số quyền lớn, hiệu khám chưa đủ tỉ mỉ⁽⁷⁾. Ngoài ra, có thể nhận thấy bộ sách có khuôn khổ quá lớn, lại thiếu bảng tra tổng hợp, nên khó tra cứu và sử dụng. Vì vậy học giả Trung Quốc là Lưu Dực Lệnh đã phải bỏ công viết hẳn một quyển sách để chỉ dẫn tra cứu tên sách và tên tác giả trong bộ tùng thư này⁽⁸⁾. Những nhược điểm ấy cho thấy, công trình này dù đồ sộ nhưng thiên về phần “thô” (số lượng) hơn là phần “tinh” (chất lượng), chưa đạt đến tầm mức của một công trình tập hợp tư liệu địa dư hoàn toàn chuẩn mực. Vì thế, bộ tùng thư này cần được sử dụng một cách cẩn trọng, có tính phê phán sử liệu.

Nhìn chung, *Tiểu Phương Hồ trại dư địa tùng sao* với nhiều lần biên soạn bổ sung và hoàn thiện, đã cho thấy diện mạo của một bộ tùng thư địa lí học lớn nhất Trung Quốc thời kì cận đại. Nếu các bộ địa dư trước đó ở Trung Quốc thường chỉ tập trung vào địa lí Trung Quốc, cùng lắm là mở rộng ra các nước châu Á khác,

thì đến Vương Tích Kỳ, ông đã sưu tập rộng khắp các tài liệu địa lí thế giới, bao gồm cả châu Á, châu Âu, châu Mĩ, châu Phi, châu Đại Dương. Sự chuyển biến quan điểm về phạm vi sưu tập tài liệu như trên cho thấy, bộ từng thư này thể hiện việc mở rộng tầm nhìn của giới học thuật Trung Quốc thời cận đại ra phạm vi toàn thế giới, hội nhập với thế giới đương thời theo tinh thần tiếp thu và học tập, chứ không còn khép kín và đầy tính tự tôn như trong giai đoạn giữa thời nhà Thanh trước đó. Chính sức ép đổi mới tại Trung Quốc nửa cuối thế kỉ XIX sau khi bị liên quân tám nước xâm xé đã khiến cho giới học thuật nói chung, giới địa lí học nói riêng ở Trung Quốc phải thức tỉnh, nhìn ra bên ngoài để tiếp thu tri thức, từ đó tự vận động để thay đổi mình.

2. Tư liệu địa dư Việt Nam thời cận đại trong *Tiểu Phương Hồ trai dư địa tàng sao*

Mô tả tư liệu

Trung Quốc và Việt Nam là hai nước có vị trí địa lý tiếp giáp, có quan hệ lịch sử lâu đời. Do nhiều lý do khác nhau, như quan hệ bang giao, thương mại, văn hoá, truyền giáo, mà trong lịch sử đã có nhiều phái đoàn cũng như cá nhân qua lại giữa hai nước, xét cả trên bình diện quan hệ quốc gia lẫn sự kiện tư nhân. Trong các hành trình ấy, họ thường ghi lại những điều tai nghe mắt thấy ở nước sở tại, từ cảnh sắc, núi non, con người, phong tục, xã hội, chính trị, địa lý, thơ ca. Những tác phẩm đó cũng trở thành sử

liệu quan trọng nhằm đề hiểu về nước láng giềng. Một số tác giả dù không có trải nghiệm thực tế ở nước ngoài, nhưng với nhu cầu học thuật, hoặc nhu cầu thoả mãn tri thức về nước ngoài, họ cũng tự biên soạn tài liệu về nước láng giềng thông qua tập hợp, tuyển lựa, biên tập, trích dẫn các tác phẩm của người khác. Cho đến thời cận đại, khi việc giao vãng song phương ngày một thường xuyên hơn, số lượng các ghi chép như thế cũng ngày càng nhiều thêm. Phần lớn các tài liệu có nội dung địa dư mà người Trung Quốc thời cận đại viết về Việt Nam đã được sưu tập trong bộ *Tiểu Phương Hồ trai dư địa tàng sao*, bao gồm tổng cộng 21 tác phẩm, trong đó có một số tác phẩm do người nước ngoài viết, được người Trung Quốc dịch ra Hán văn.

Trong phần *Chính biên*, pho thứ 10 (đệ thập trật) có các tác phẩm sau liên quan trực tiếp đến Việt Nam:

(1) *Việt Nam chí* 越南志, tác giả Tây phương khuyết danh, dịch giả khuyết danh.

(2) *An Nam tiểu chí* 越南小志, tác giả Nhật Bản khuyết danh, Diêu Văn Đồng 姚文棟 dịch.

(3) *Việt Nam khảo lược* 越南考略, tác giả Cung Sài 龔柴.

(4) *Việt Nam thế hệ diên cách lược* 越南世系沿革略, tác giả Từ Diên Húc 徐延旭.

(5) *Việt Nam cương vực khảo* 越南疆域考, tác giả Ngụy Nguyên 魏源.

(6) *Việt Nam địa dư đồ thuyết* 越南地理圖說, tác giả Thịnh Khánh Phát 盛慶紱.

(7) *An Nam tạp kí* 安南雜記, tác giả Lý Tiên Căn 李仙根.

(8) *An Nam kì du* 安南紀遊, tác giả Phan Đình Khuê 潘鼎珪.

(9) *Việt Nam du kí* 越南遊記, tác giả Trần Cung Tam (陳恭三, Tan Keong Sum), Hoa kiều người Singapore.

(10) *Chinh phủ An Nam kí* 征撫安南記, tác giả Ngụy Nguyên 魏源⁽⁹⁾.

(11) *Chinh An Nam kỳ lược* 征安南紀略, tác giả Sư Phạm 師範⁽¹⁰⁾.

(12) *Tòng chinh An Nam kí* 從征安南記, tác giả khuyết danh.

(13) *Việt Nam sơn xuyên lược* 越南山川略, tác giả Từ Diên Húc.

(14) *Việt Nam đạo lộ lược* 越南道路略, tác giả Từ Diên Húc.

(15) *Trung - Việt giao giới các ải tạp lược* 中越交界各隘卡略, tác giả Từ Diên Húc⁽¹¹⁾.

Trong *Tái bổ biên* có thêm 2 tác phẩm nữa:

(16) *An Nam luận* 安南論, tác giả Timothy Richard (Lý Đề Ma Thái 李提摩泰) người Anh.

(17) *Du Việt Nam kí* 遊越南記, tác giả khuyết danh⁽¹²⁾.

Năm 2010, Viện Nghiên cứu Hàn Quốc thuộc Đại học Inha ở Incheon, Hàn Quốc đã biên soạn lại sách *Tiểu Phương Hồ Trai du địa từng sao* thành các tập chuyên đề như về Hàn Quốc, Việt Nam... Trong đó, chúng tôi lưu ý đến tập chuyên đề *Tiểu Phương Hồ trai du địa từng sao - Việt Nam thiên* 小方壺齋輿地叢鈔 - 越南篇, dày tổng cộng 190

trang⁽¹³⁾. Bản này có đưa bổ sung thêm 3 tác phẩm nữa viết về Việt Nam là:

(18) *Hắc hà kỉ lược* 黑河紀略, tác giả khuyết danh đời Thanh.

(19) *Việt Nam phong tục kí* 越南風俗記, tác giả khuyết danh.

(20) *Việt Nam biến thông hưng thịnh kí* 越南變通興盛記, tác giả Timothy Richard.

Năm 2015, Diệp Thiểu Phi⁽¹⁴⁾ trong một bài viết bằng tiếng Trung Quốc giới thiệu về số tư liệu Việt Nam trong *Tiểu Phương Hồ trai du địa từng sao* đã giới thiệu tổng cộng 17 đơn vị sách, so với danh sách 20 tác phẩm kể trên thì thiếu 4 cuốn là *An Nam luận*, *Du Việt Nam kí*, *Việt Nam phong tục kí*, *Việt Nam biến thông hưng thịnh kí*; và giới thiệu thêm 1 tác phẩm:

(21) *Phú Lương giang nguyên lưu khảo* 富良江源流考 của Phạm Bản Lễ 范本禮 người Thượng Hải, in lẻ trong pho sách thứ 4 (đệ tứ trật) của bộ *Chính biên*. Sông Phú Lương là một cách gọi sông Hồng.

Tóm lại, đến nay chúng tôi đã xác định được danh sách 21 tác phẩm có tính chuyên đề, liên quan trực tiếp đến Việt Nam được Vương Tích Kỳ sưu tập, lựa chọn và đưa vào bộ từng thư đồ sộ của ông. Đây là tập hợp lớn nhất về tư liệu địa dư Việt Nam thời cận đại ở nước ngoài, thể hiện tri thức và cái nhìn về Việt Nam của Trung Quốc và một số nước khác ở thời cận đại.

Phân tích và đánh giá

Xét về nguồn gốc của tác giả (và dịch giả) của 21 sách này, thì thấy có nhóm

quan lại người Trung Hoa: Diêu Văn Đổng (dịch giả), Cung Sài, Từ Diên Húc (4 tác phẩm), Ngụy Nguyên (2 tác phẩm), Thịnh Khánh Phát, Lý Tiên Căn, Phan Đình Khuê, Sư Phạm, Phạm Bản Lễ; một người Hoa kiều Singapore là Trần Cung Tam; một tác giả người Anh là Timothy Richard (2 tác phẩm); 6 tác giả khuyết danh. Về vị trí xã hội và nghề nghiệp của các tác giả, có các nhóm sau (tất nhiên không kể nhóm khuyết danh): *Một là*, trọng thần của triều đình (Từ Diên Húc); *hai là*, quan lại địa phương (Nguy Nguyên, Thịnh Khánh Phát, Sư Phạm, Phạm Bản Lễ); *ba là*, sứ thần Trung Quốc đi sứ sang Việt Nam (Lý Tiên Căn); *bốn là*, các nghề khác: như Cung Sài là chủ bút tạp chí⁽¹⁵⁾, Timothy Richard (1845-1919) là nhà truyền giáo người Anh. Như vậy, xét về cơ cấu tác giả, những người quan tâm biên soạn sách địa dư Việt Nam thời cận đại hầu hết là giới quan lại Trung Quốc.

Nguồn gốc tri thức để biên soạn tài liệu của từng cuốn sách cũng khá phong phú, đa dạng. Lý Tiên Căn và Phan Đình Khuê đích thân đến Việt Nam để sưu tập và ghi chép tài liệu. Từ Diên Húc cũng đích thân sang Việt Nam khảo sát, biên soạn bộ *Việt Nam tập lược* 越南輯略 có nội dung phong phú; khi Vương Tích Kỳ sưu tập vào bộ từng thư của ông thì đã chia nhỏ *Việt Nam tập lược* thành 4 cuốn sách nhỏ với các chủ đề nội dung khác nhau, đó là *Việt Nam thể hệ diên cách lược*, *Việt Nam sơn xuyên lược*, *Việt Nam đạo lộ lược* và *Trung ngoại giao giới các ải tập lược*. Đáng lưu ý là trong *Việt Nam*

tập lược có một số bản đồ Việt Nam, nhưng ở 4 tập sách cỡ nhỏ thì Vương Tích Kỳ đã bỏ đi không in. Thịnh Khánh Phát căn cứ theo *Hoàng Việt địa dư chí* (皇越地輿志) của Việt Nam biên soạn *Việt Nam địa dư đồ thuyết*. Trần Cung Tam cũng từng đi qua nhiều vùng thuộc địa Pháp, trong đó có Việt Nam, để biên soạn sách *Việt Nam du kí*. Ngụy Nguyên tuy chưa từng đến Việt Nam, nhưng bộ sách đồ sộ *Hải quốc đồ chí* (海國圖志) mà ông biên soạn đã trở thành cơ sở quan trọng của địa lý học cận đại Trung Quốc, sách này chính là cơ sở để Vương Tích Kỳ chọn lọc thành sách *Việt Nam cương vực khảo*. Ngụy Nguyên cũng viết *Thánh vũ kí* (聖武記), trong đó có quyển 6 là phần *Càn Long chinh phủ An Nam kí* (乾隆征撫安南記), mà Vương Tích Kỳ tuyển vào bộ từng thư và đổi tên thành *Chinh phủ An Nam kí*. Các sách *Chinh An Nam kí lược* của Sư Phạm và *Tòng chinh An Nam kí* có thể lấy tư liệu từ sách *Diễn hệ* (滇系) của Thang Mậu Bồi (湯懋裴)⁽¹⁶⁾.

Về nội dung, 21 tác phẩm trên đề cập đến Việt Nam từ nhiều góc độ khác nhau, mà trung tâm là địa dư, địa lí, cương vực, ngoài ra còn có các vấn đề ngoại giao, chiến tranh, núi sông, đường sá, du kí, văn hoá, tạp kí... Có một số phần nội dung đã được các học giả Việt Nam biết đến và khai thác. *Chinh phủ An Nam kí* của Ngụy Nguyên đã được Hoàng Xuân Hân dịch và giới thiệu trong bài viết về chiến sự Việt – Thanh năm 1789⁽¹⁷⁾. *Chinh An Nam kí lược* của Sư Phạm đã được Nguyễn Quốc Vinh dịch và phân

tích để tìm hiểu cái nhìn của người Trung Hoa về Việt Nam thông qua ghi chép về những sự kiện chiến tranh cuối thập niên 1780⁽¹⁸⁾; sách này sau đó được Nguyễn Duy Chính dịch toàn văn và bổ cứu những chi tiết sai lầm trong sách⁽¹⁹⁾. Phạm Hoàng Quân nghiên cứu sách *Việt Nam địa dư đồ thuyết* của Trịnh Khánh Phát, chỉ rõ tác giả này đã dựa vào sách *Hoàng Việt địa dư chí* của Việt Nam để viết phần nội dung về quần đảo Hoàng Sa, điều đó thể hiện sự thừa nhận của tác giả Trung Quốc này về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa⁽²⁰⁾. Những nghiên cứu như vậy rất có giá trị, nhưng đáng tiếc là còn ít ỏi và thiếu toàn diện, chưa khai thác toàn bộ tư liệu Việt Nam trong bộ từng thư này.

Ngoài những nhược điểm chung của toàn bộ từng thư như đã trình bày ở trên, phần tư liệu về Việt Nam trong *Tiểu Phương Hồ trai dư địa từng sao* có một số nhược điểm sau đây. Thứ nhất là chia tách một bộ sách thành nhiều quyển nhỏ, sắp xếp thứ tự các quyển ấy không hợp lí, thậm chí can thiệp vào nội dung sách gốc. Đó là trường hợp sách *Việt Nam tập lược* của Từ Diên Húc, bị tách thành 4 quyển khác nhau, bỏ hết các bản đồ trong nguyên bản. Thứ hai là tiết yếu từ sách nguyên bản, tức chỉ chọn một phần nào đó, mà bỏ mất cái chỉnh thể của sách, như trường hợp *Việt Nam cương vực khảo* chỉ là bộ phận nhan đề *Việt Nam cương vực phụ khảo* (越南疆域附考) nằm trong bộ sách địa lí học cực kì đồ sộ dưới nhan đề *Hải quốc đồ chí* của Ngụy Nguyên, Vương Tích Kỳ còn đổi tên

phần sách được chọn. Thứ ba là phần lớn các bài Tựa của các sách đều không được in kèm, khiến cho độc giả khó nắm bắt tư tưởng và phương pháp biên soạn của từng tác giả. Thứ tư là sửa chữa nguyên văn của tác giả, ví dụ như tự ý sửa văn của Ngụy Nguyên trong *Chinh phủ An Nam kí*, mà không nói rõ nguyên nhân sửa chữa⁽²¹⁾. Thứ năm là các sách được lựa chọn in lại nguyên văn mà không có phê phán văn bản, nên vẫn lưu giữ một số sai lầm về nội dung trong nguyên sách.

So với một số sách về địa lí Việt Nam mà người Trung Quốc biên soạn trước thời điểm đó, có thể thấy về mặt bằng chung, các tài liệu trong *Tiểu Phương Hồ trai dư địa từng sao* đã có bước tiến mới về mặt bằng học thuật. Tuy nhiên nhóm tài liệu này chưa thể sánh ngang với một số sách địa dư, địa lí, lịch sử Việt Nam cùng thời do các học giả Pháp và Nhật Bản biên soạn. Ví dụ, học giả Pháp là Jean Gabriel Devéria (1844-1899) viết cuốn *Histoire des relations de la Chine avec l'Annam: Du XVIe au XIXe siècle* (Lịch sử quan hệ Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn thế kỉ XVI - XIX) xuất bản năm 1880, cuốn *La Frontière Sino-Annamite: Description Géographique et Ethnographique* (Biên giới Trung Quốc và Việt Nam: Mô tả địa lí học và dân tộc chí) in năm 1886. Học giả Nhật Bản Hikita Toshiaki (引田利章 1851-1890) viết hai bộ sách lớn về Việt Nam bằng tiếng Nhật: *An Nam sử* (安南史) (4 quyển) in năm 1881⁽²²⁾; *Phật An quan hệ thủy mạt* - Lịch sử quan hệ Pháp - Việt (佛安關係始末) in năm 1887, gần 1.300

trang⁽²³⁾. Các tài liệu này đã vượt trước so với mặt bằng tri thức đương thời của người Trung Quốc về địa dư, địa lí, lịch sử Việt Nam⁽²⁴⁾.

3. Kết luận

Bộ tùng thư *Tiểu Phương Hồ* trai dư địa từng sao của Vương Tích Kỳ là tập đại thành tư liệu địa dư thế giới lớn nhất của Trung Quốc được sưu tập và biên soạn vào cuối thời cận đại. Bối cảnh lịch sử - văn hoá Trung Quốc trong nửa cuối thế kỉ XIX đã tác động mạnh mẽ đến tư duy của giới học giả Trung Quốc, khiến nhiều người trong số họ, như Vương Tích Kỳ, buộc phải mở rộng kiến văn, tiếp thu Tây học, xây dựng một nền tảng tri thức mới cho người Trung Quốc, từ bỏ cái nhìn “Hoa tâm luận” (Sinocentrism, quan điểm lấy Trung Quốc làm trung tâm) để chuyển sang cái nhìn rộng ra toàn thế giới.

Trong bộ tùng thư này đã sưu tập 21 tác phẩm chuyên đề về địa dư và lịch sử Việt Nam, chủ yếu được viết bởi các học giả Trung Quốc thời cận đại. Tuy còn một số hạn chế, nhưng bộ phận tư liệu Việt Nam về cơ bản vẫn là các nguồn sử liệu quý, có giá trị trong việc tìm hiểu tri thức của người nước ngoài (chủ yếu là Trung Quốc) về đất nước và con người Việt Nam thời cận đại, trong đó có những thông tin liên quan đến chủ quyền biển đảo Việt Nam. Mặc dù tác phẩm này chứa đựng nhiều giá trị như vậy, nhưng cho đến nay vẫn chưa có bản dịch trọn vẹn ở Việt Nam. Đây là việc cần làm, nhằm cung cấp tài liệu một cách tổng thể, để nhiều người có thể tiếp cận nghiên cứu và khai thác⁽²⁵⁾.

CHÚ THÍCH:

(1) “Tiểu Phương Hồ” 小方壺 nghĩa đen là “cái bình [trà] vuông nhỏ”. “Phương Hồ” 方壺 còn trở tên một ngọn núi trong thần thoại Trung Quốc.

(2) Về bộ *Tam bổ biên*, xem: Ưông Hiếu Hải 汪孝海, 〈輿地說萃精華史地汇钞成丛编:《小方壺齋輿地丛钞三补编》述略〉, 载:《图书馆学研究》1989年第4期, 页93-94-92.

(3) Ngô Phong Bồi 吴丰培, 〈王锡祺与《小方壺齋輿地丛钞》及其他〉, 载:《中国边疆史地研究》1995年第1期, 页95. Lưu Dực Lệnh đưa ra danh sách 17 tác phẩm, xem: Lưu Dực Lệnh 刘跃令, 《《小方壺齋輿地丛钞》篇名及著者姓名索引》, 河南大学历史系资料室, 1991, 页208.

(4) Ngô Phong Bồi, bài đã dẫn, tr. 93.

(5), (6) Phan Quang Triết 潘光哲, 〈《小方壺齋輿地叢鈔》與晚清中國士人「認識世界」的「知識基礎」〉, 《台北: 中央研究院近代史研究所學術討論會論文》2001年11月, 100頁.

(7) Ngô Phong Bồi, bài đã dẫn, tr. 94.

(8) Lưu Dực Lệnh, sách đã dẫn.

(9) Năm 1968, Hoàng Xuân Hãn đã dịch và giới thiệu bản nguyên tác *Càn Long chinh vũ [phủ] An Nam* kí trích từ bộ *Thánh vũ kí* của Nguyễn Nguyên, đăng trong tập san *Sử Địa* số 9 và 10. Xem: Hoàng Xuân Hãn, “Việt – Thanh chiến sử theo Nguyễn Nguyên một sử gia Trung Quốc đời Thanh (*Càn Long chinh vũ An Nam kí* – năm Đạo Quang thứ 22 (1842))”, in lại trong *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập II: 1333-1351 (Hà Nội: Giáo dục, 1998). Tuy nhiên, bản dịch này lại lược bỏ phần địa dư nói về ba đường tiến vào Giao Chỉ từ Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam. Trong một cước chú, Hoàng Xuân Hãn có nhắc đến

một tác phẩm khác của Ngụy Nguyên là “một thiên nhỏ trong từng san *Tiểu Phương Hồ dư địa*, đề là *Việt Nam cương vực khảo và chú*”. Gần đây Nguyễn Duy Chính đã dịch lại toàn bộ bản nguyên tác này in kèm ảnh ấn. Xem: Nguyễn Duy Chính (tuyển dịch), *Đàng Trong thời chúa Nguyễn* (Hà Nội: Nxb Hội nhà văn, 2016), tr. 173-198.

(10) Trong bài viết năm 1968 (xem chú thích trên), Hoàng Xuân Hãn có nhắc đến tác phẩm của Sư Phạm và trích dẫn ngắn trong hai cước chú phần dịch tác phẩm *Càn Long chinh vũ An Nam kí* của Ngụy Nguyên. Năm 1999, Nguyễn Quốc Vinh đã có nghiên cứu và giới thiệu tác phẩm của Sư Phạm, in trong tạp chí *Xưa và Nay*, nhưng như tác giả nói trong bài viết, do khuôn khổ tạp chí có hạn, nên phần dịch không đáng được toàn văn. Xem: Nguyễn Quốc Vinh, “Thiên kí sự *Chinh An Nam kí lược*: Một cái nhìn của người Trung Hoa về tình hình Việt Nam cuối thế kỉ 19”, *Tạp chí Xưa và nay*, 1999, số 61b. Sau đó, đến năm 2011, cuốn này đã có bản dịch tiếng Việt toàn văn và giới thiệu sơ bộ, xem: Sư Phạm viết, Nguyễn Duy Chính dịch, *Chinh An Nam kí lược*, in trong *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 6 (77) 2011, tr. 92-103; sau đó được in lại kèm ảnh ấn trong Nguyễn Duy Chính (tuyển dịch), *Đàng Trong thời chúa Nguyễn* (Hà Nội: Nxb Hội nhà văn, 2016), tr. 199-222. Trong bản dịch của Nguyễn Duy Chính không thấy nhắc đến bài viết và dịch của Nguyễn Quốc Vinh.

(11) Nguyễn Duy Chính đọc nhầm là “danh”, có thể do chữ “danh” 名 và chữ “các” 各 tự dạng gần giống nhau. Xem: Sư Phạm viết, Nguyễn Duy Chính dịch, *Chinh An Nam kí lược*, đã dẫn, tr. 92.

(12) Nguyễn Duy Chính (2009, tr. 91-92) đã liệt kê danh sách 15 cuốn sách đầu tiên trong danh sách này. Phạm Hoàng Quân cũng

liệt kê danh sách 17 cuốn sách đầu tiên; xem: Phạm Hoàng Quân, “Ghi nhận về quần đảo Hoàng Sa của nhà địa lý học Trung Hoa cuối thế kỷ XIX trong tác phẩm *Việt Nam địa dư đồ thuyết*”, <http://vnics.org.vn/Default.aspx?ctl=Introduce&aID=503>.

(13) Viện Nghiên cứu Hàn Quốc thuộc Đại học Inha (인하대학교한국학연구소편), 《小方壺齊輿地叢鈔 - 越南篇》, Incheon, Hàn Quốc, 2010.

(14) Diệp Thiếu Phi 叶少飞, 〈《小方壺齊輿地叢鈔》越南史地典籍解題〉, 载《形象史学研究》2015 年上半年期, 页 196-209.

(15), (16) Diệp Thiếu Phi, bài đã dẫn, tr. 207.

(17) Hoàng Xuân Hãn, bài đã dẫn.

(18) Nguyễn Quốc Vinh, bài đã dẫn.

(19) Sư Phạm viết, Nguyễn Duy Chính dịch, *Chinh An Nam kí lược*, 2011+2016, bài đã dẫn.

(20) Phạm Hoàng Quân, bài đã dẫn.

(21) Diệp Thiếu Phi, bài đã dẫn, tr. 208.

(22) Hikita Toshiaki (引田利章), *An Nam sử* 安南史 (4 quyển), Rikugun Bunko 陸軍文庫, 1881; bộ sách này được Mao Nãi Dung 毛乃庸 dịch ra tiếng Hán dưới nhan đề *An Nam sử tứ quyển* 安南史四卷, Giáo dục thế giới xã 教育世界社 in năm 1903 tại Trung Quốc.

(23) Hikita Toshiaki (引田利章), *Phát An quan hệ thủy mạt* 佛安關係始末 (Lịch sử quan hệ Pháp – Việt), Rikugun Bunko 陸軍文庫, 1887. Cũng chính Hikita Toshiaki đã hiệu đính, cú đậu và cho khắc in ván gỗ toàn bộ *Đại Việt sử kí toàn thư* của Việt Nam thành 10 tập tại Nhật Bản năm 1883.

(24) Diệp Thiếu Phi, bài đã dẫn, tr. 209.

(25) Các tác giả bài viết trân trọng cảm ơn anh Nguyễn Quốc Vinh (NCS Đại học Harvard) đã đọc góp ý cho bản thảo bài viết.